

MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA

(Trích - HOÀI THANH)

Mở những trang đầu của tuyển tập Thi nhân Việt Nam (1932 - 1941), người đọc được thưởng thức một bài tiểu luận xuất sắc của Hoài Thanh về phong trào Thơ mới. Đây là bản tổng kết một sự kiện văn học lớn, được xem là một cuộc cách mạng trong lĩnh vực thơ ca ở Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX. Một bản tổng kết có giá trị khoa học, đồng thời cũng là một áng văn phê bình bất hủ. Bài tiểu luận không đầy bốn mươi trang in nhưng đã nói rất nhiều về tư tưởng, tài năng và phong cách của một trong những cây bút phê bình văn học tiêu biểu nhất của văn học Việt Nam hiện đại.

Tác giả tự chia bài tiểu luận của mình ra làm nhiều đoạn. Nhưng căn cứ vào nội dung và mạch văn, có thể thu lại thành ba phần :

Phần I - Trình bày nguồn gốc lịch sử, văn hoá, cơ sở tư tưởng, tâm lí, xã hội của phong trào Thơ mới ; quá trình hình thành, vận động, phát triển và thắng lợi của thơ mới trong cuộc đấu tranh với thơ cũ đã suy vi (từ đoạn 1 đến đoạn 4).

Phần II - Phân loại và nhận xét khái quát về các dòng khác nhau trong phong trào Thơ mới (dòng Pháp, dòng Đường, dòng Việt) ; những nhược điểm của thơ mới (đoạn 5, 6).

Phần III - Định nghĩa thơ mới, thơ cũ từ hình thức đến nội dung (đoạn 7).

Sách giáo khoa Ngữ văn 11 Nâng cao, tập hai trích giảng một đoạn trong phần III của bài tiểu luận.

Dưới đây sẽ phân tích, bình giảng đoạn văn này.

1. Phê bình văn học là một dạng của thể nghị luận. Nó thuyết phục người đọc trước hết bằng những lí lẽ, những cách lập luận, những luận cứ chính xác, chặt chẽ. Sức mạnh của nó trước hết phụ thuộc vào khả năng tư duy luận lí, tư duy khoa học của người viết.

Một thời đại trong thi ca nói rằng Hoài Thanh không chỉ viết bằng tình cảm, bằng ấn tượng (có một thời người ta đã xếp ông vào trường phái gọi là ấn tượng chủ nghĩa hay phê bình tình cảm). Qua bản tổng kết Một thời đại trong thi ca, thấy tác giả của nó, về năng lực trí tuệ, về tư duy lí luận, cũng tỏ ra đáng để lắm, nghĩa là chẳng kém cạnh ai, nếu chưa muốn nói là xuất sắc.

1a) Cách lập luận chặt chẽ

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Nội dung quan trọng nhất của phần III bài tiểu luận là xác định khái niệm thơ mới, thơ cũ, một đóng góp lí luận quan trọng nhất của bài tiểu luận. Vấn đề này không đơn giản chút nào. Qua những bài tranh luận giữa hai phái thơ cũ và thơ mới, thấy có sự không thống nhất với nhau về hiện tượng văn học gọi là thơ cũ hay thơ mới. Chẳng hạn về thơ cũ, người bên vực thơ cũ thì chỉ nghĩ đến thơ Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến,... là những "tinh hoa của mấy ngàn năm văn học" ; còn người phản đối thơ cũ, bên vực thơ mới thì lại nghĩ đến toàn những bài thơ luật Đường nhạt nhẽo, vô vị đăng nhạn nhàn trên các báo chí đầu thế kỉ XX, nghĩa là những "cặn bã của một lối thơ đến lúc tàn".

Vậy trước hết phải xác định thống nhất đối tượng cần định nghĩa. Nếu không, cuộc tranh luận trở thành "ông nói gà, bà nói vịt", dù có kéo dài đến muôn năm cũng chẳng đi đến đâu. Hoài Thanh rất có ý thức về vấn đề này. Ông viết : "Trước hết muốn tránh mọi sự lầm lẫn xin hiểu chữ thơ theo nghĩa chữ thi trong Kinh thi hay chữ poésic trong tiếng Pháp", nghĩa là "hiểu theo nghĩa rộng".

Tác giả bác bỏ những ý kiến định nghĩa thơ mới, thơ cũ gắn với một thể thơ cụ thể nào đấy và do đó dẫn đến lầm lẫn. Chẳng hạn Phan Khôi quan niệm thơ mới là thơ tự do. Thực ra, ở thời kì đầu của phong trào Thơ mới, không chỉ Phan Khôi, mà nhiều người khác cũng hiểu thơ mới như vậy. Tự do nghĩa là phá mọi luật lệ của các thể thơ truyền thống. Thơ tự do, kì thực chỉ là một thể trong vô số thể thơ được thơ mới sử dụng. Thể thơ này càng về sau càng ít thấy trong phong trào Thơ mới. Trái lại, nhiều bài thơ mới khá hay lại được viết theo thể thất ngôn, ngũ ngôn, lục bát, thậm chí thất ngôn bát cú Đường luật nữa (như một số bài của Hàn Mặc Tử và nhất là của Quách Tấn).

Như vậy là phân biệt thơ cũ, thơ mới, quả cũng có chuyện hình thức, có chuyện thể thơ này khác phải bàn. Hoài Thanh gọi là vấn đề "hình dáng câu thơ". Nhưng đó không phải là điều quan trọng nhất. Điều quan trọng là nội dung, là linh hồn của thơ, hay nói như Hoài Thanh : "tinh thần" của thơ. Ông viết: "Bây giờ hãy đi tìm cái điều ta cho là quan trọng hơn : tinh thần thơ mới".

Đoạn trích giảng trong sách giáo khoa bắt đầu từ vấn đề "tinh thần thơ mới".

Không bàn về thể thơ, về hình xác của thơ mà bàn về "tinh thần" của thơ, thì đối tượng của định nghĩa lại cần phải được quan niệm thống nhất, chặt chẽ hơn nữa. Về điều này ta lại thấy sự sắc sảo trong tư duy lô gích của Hoài Thanh khi ông đưa ra hai giới hạn về đối tượng cần so sánh giữa thơ mới và thơ cũ :

- Một là, "muốn hiểu tinh thần thơ cho đúng đắn, thì phải sánh bài hay với bài hay" (của cả thơ mới và thơ cũ). Ông nói đúng : thơ không hay thì làm gì có tinh thần, còn có gì đáng gọi là tinh thần !

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

- Hai là, "muốn rõ đặc sắc mỗi thời phải nhìn vào đại thể", nghĩa là không nên căn cứ quá chi tiết ở bài thơ hay nhà thơ cụ thể, cá biệt nào. Đây là chuyện nhận biết sự khác biệt ở tinh thần chung của nền thơ hai thời đại. Vì vậy nếu so sánh những bài thơ, nhà thơ cụ thể thì chắc chắn sẽ vấp phải những trường hợp không tiêu biểu, không điển hình, ranh giới mới, cũ do đó khó phân biệt.

Tóm lại cách lập luận của đoạn văn rất kín cạnh, chặt chẽ, hợp lô gích.

1b) Luận điểm sâu sắc

Trong đoạn văn trích giảng, có hai luận điểm hết sức cơ bản :

- Một là giữa thơ mới và thơ cũ không có sự ngăn cách hay đứt đoạn tuyệt đối. Hoài Thanh đã có một cách nhìn vấn đề rất biện chứng. Ông viết : "Các thời đại vẫn liên tiếp cùng nhau", "Hôm nay đã phôi thai từ hôm qua và trong cái mới vẫn còn rớt lại ít nhiều cái cũ". Không biết có ý thức hay không, nhưng ông đã phát biểu rất đúng về quy luật của mọi cuộc cách tân văn học chân chính : đổi mới muốn thành công, nhất thiết phải trên cơ sở kế thừa và cải tạo truyền thống cũ. Những cây bút thơ mới không tuân thủ quy luật này trước sau đều bị lịch sử đào thải như trường hợp Nguyễn Thị Kiêm làm những câu thơ 27 chữ, hay Nguyễn Vỹ viết những dòng thơ có đủ mười hai chân như thơ Pháp,...

- Hai là, xét trên đại thể "tất cả tinh thần thời xưa - hay thơ cũ - và thời nay - hay thơ mới - có thể gồm lại trong hai chữ tôi và ta. Ngày trước là thời chữ ta, bây giờ là thời chữ tôi".

Đây là luận điểm quan trọng nhất, sâu sắc nhất, nhưng không dễ lĩnh hội. Vì thế tác giả phải phân tích, giải thích cho sáng tỏ : cái tôi của thơ mới thể hiện quan niệm về cá nhân chưa từng có trong xã hội ta thời phong kiến. Cái tôi với "nghĩa tuyệt đối". Cái tôi được dùng "để nói với mình, hay - thì cũng thế - với tất cả mọi người". Nghĩa là cái tôi tự ý thức về sự tồn tại của mình trên đời như một cá nhân cá thể. Giá trị của mình như thế nào đều chỉ trông cậy vào chính bản thân mình mà thôi. Tác giả khẳng định, xã hội Việt Nam xưa "không có cá nhân. Chỉ có đoàn thể : lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình" cái cá nhân và bản sắc của nó "chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như giọt nước trong biển cả".

Đây là một luận điểm lớn. Thời phong kiến trung đại, ý thức cá nhân không có điều kiện được phát huy. Thời ấy, thái độ khinh trọng đối với cá nhân này, cá nhân khác, không phụ thuộc vào phẩm chất của chính cá nhân ấy mà tùy thuộc vào vị thế cao thấp, sang hèn của đẳng cấp, của gia đình, của dòng họ những cá nhân ấy. Điều ấy được phản ánh vào quan điểm thẩm mỹ thời trung đại. Nhà thơ thời trung đại phản ánh hiện thực hay biểu hiện tâm hồn mình phải thông qua

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

một hệ thống ước lệ dày đặc, chặt chẽ, có tính phi ngã (impersonal). Màu sắc khác nhau của sáng tác các nhà thơ ấy, nhất là ở những cây bút lỗi lạc, không phải không có. Nhưng xét ra, đó chỉ là những biến thức khác nhau của cùng một

(1) Pháp có thể thơ gọi là a-le-xan-đrin, mỗi dòng gồm 12 âm tiết.

quan niệm nghệ thuật thời ấy về thời gian, không gian, về mẫu người trượng phu quân tử,...

Tất nhiên đây là nhìn bao quát trên đại thể, còn nếu theo sát từng bước thăng trầm của chế độ phong kiến, thì quan niệm về cá nhân thời ấy không phải không có những chuyển biến, ở nước ta, vào khoảng cuối thế kỉ XVIII sang thế kỉ XIX, do sự khủng hoảng sâu sắc của xã hội và ý thức hệ phong kiến, trong văn học, người ta đã thấy cái tôi cá nhân bắt đầu chực dậy và lên tiếng qua các tác phẩm của Phạm Thái, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ..., tuy rằng nó chưa tự khẳng định được một cách sâu sắc với ý thức tự giác thật sự như các nhà thơ mới sau này. Phải đợi đến đầu thế kỉ XX, nhất là từ những năm hai mươi, ba mươi trở đi, do cơ cấu xã hội thay đổi sâu sắc, do ứ xuất hiện của những đô thị có tính chất tư bản chủ nghĩa với sự ra đời của nhiều tầng lớp xã hội mới, và do ảnh hưởng của tư tưởng, văn hoá, văn học phương Tây hiện đại qua tầng lớp trí thức Tây học ngày càng đông đảo, trong giới cầm bút ở nước ta mới có sự thức tỉnh sâu sắc về ý thức cá nhân. Và các nhà thơ mới mới có nhu cầu bức xúc thoát ra khỏi hệ thống ước lệ có tính phi ngã nói trên. Họ tạo nên phong trào Thơ mới (1932 - 1945). Đó là tiếng nói thơ ca của cái tôi cá nhân cá thể (individu).

1cLuận cứ xác đáng

Luận cứ ở một bài nghị luận bao gồm cả những lí lẽ và những bằng chứng thực tế nhằm chứng minh cho tính chính xác của các luận điểm. ở trên ta đã nói đến hai luận điểm của đoạn văn : một là, về tính kế thừa của thơ mới đối với thơ cũ ; hai là, sự khác nhau giữa thời đại của chữ tôi (thơ mới) và thời đại của chữ ta (thơ cũ).

Để chứng minh cho luận điểm thứ nhất, trong phần trước của đoạn trích, khi bàn về các thể thơ, tác giả đã duyệt lại một lượt các thể thơ trong phong trào Thơ mới để thấy nhiều thể thơ truyền thống đã được dùng lại và có chỗ đứng vững chắc trong thơ mới - tất nhiên có những cải biến nhất định. Ngay thể thơ được coi như một sáng tạo tiêu biểu của thơ mới là thể tám chữ cũng có gốc rễ ở thể hát nói chứ không phải được sáng tạo từ con số không hay hoàn toàn vay mượn của phương Tây. Phải nói, Hoài Thanh đã làm công việc này một cách rất công

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

phu, rất tỉ mỉ - nhà phê bình không hề đưa ra những phán đoán theo tình cảm chủ quan hay theo ấn tượng chủ nghĩa như có người đã từng gán cho ông.

Và để chứng minh cho luận điểm thứ hai, tác giả đã so sánh một bài thơ của Xuân Diệu với một bài phú của Nguyễn Công Trứ cùng viết về cảnh cơ hàn của nhà thơ : "Thi nhân ta (các nhà thơ mới - NĐM) cơ hồ đã mất hết cái cốt cách hiên ngang ngày trước. Chữ ta với họ to rộng quá. Tâm hồn của họ chỉ vừa thu trong khuôn khổ chữ tôi. Đừng có tìm ở họ cái khí phách ngang tàng của một thi hào đời xưa như Lí Thái Bạch, trong trời đất chỉ biết có thơ. Đền chút lòng tự trọng cần để khinh cảnh cơ hàn, họ cũng không có nữa :

Nỗi đời cay cực đang giờ vuốt,

Cơm áo không đùa với khách thơ.

Không biết trong khi rên rỉ như thế Xuân Diệu có nghĩ đến Nguyễn Công Trứ, một người đồng quận (cùng quê ở Hà Tĩnh - NĐM), chẳng những đã đùa cảnh nghèo mà còn lấy cảnh nghèo làm vui

— Ngày ba bữa vỗ bụng rau bình bịch, người quân tử ăn chẳng cầu no ;

Đêm năm canh an giấc ngáy kho kho, đời thái bình cửa thường bỏ ngõ

(Hàn nho phong vị phú)

- Tin xuân đã có cành mai đó,

Chẳng lịch song mà cũng biết giêng.

(Vui cảnh nghèo)

2. Áng văn hấp dẫn

Bài tiểu luận của Hoài Thanh tuy có nội dung khảo cứu và lí luận sâu sắc, nhưng người đọc không cảm thấy khô khan.

(1) Dẫn chứng này không được chuẩn lắm. Vì tiếng cười của Nguyễn Công Trứ trong bài phú có một cái gì không được thanh thoát lắm, dường như có cái vị cay đắng của một anh khoá hãm hờ trên đường công danh mà chưa đạt được. Cho nên cái nghèo được anh diễn tả không đẹp, có phần nhếch nhác. Dẫn chứng bằng bài Bạn đến chơi nhà của Nguyễn Khuyến có lẽ chuẩn xác hơn. Ông Tam nguyên làng Yên Đỗ tả cảnh nghèo của mình vừa đẹp vừa sang, rất đáng tự hào :

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Đã bấy lâu nay bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa,
Ao sâu nước cả khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà,
Cải chửa ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa,
Đàn trò tiếp khách, trâu không có,
Bác đến chơi đây, ta với ta.

2a Một là vì, trong nhiều trường hợp, tác giả đã diễn đạt các khái niệm, các quy luật không phải bằng ngôn ngữ lí thuyết trừu tượng mà bằng lời văn có hình ảnh và nhịp điệu :

"Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ tôi. Mất bề rộng, ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngẩn ngơ buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận."....

Không nên quan niệm nhà phê bình dùng hình ảnh hay nhịp điệu chẳng qua chỉ là một cách để tô thêm son phấn, đeo thêm vòng xuyên vào bài viết của mình cho màu mè, hấp dẫn. Không, phê bình văn học tự bản thân nội dung của nó yêu cầu phải diễn đạt như thế. Phê bình văn học cũng là dạng của thể văn nghị luận. Đúng như thế. Nhưng những phán đoán, những lí lẽ của nhà phê bình văn học lại dựa trên sự cảm thụ những áng văn chương. Đối tượng này không thể lĩnh hội được chỉ bằng lí trí đơn thuần. Nó còn đòi hỏi phải nhận thức và đánh giá bằng tình cảm, cảm xúc thấm mĩ nữa. Văn phê bình, vì thế phải chuyển tải đến người đọc, cùng một lúc, cả nội dung lí luận lẫn nội dung tình cảm, cảm xúc thấm mĩ. Nó cần đến hình ảnh, đến nhịp điệu, giọng điệu là để thực hiện nhiệm vụ ấy.

Nhưng hình ảnh trong văn phê bình có khác với hình ảnh trong văn sáng tác : nó phải thực hiện đồng thời hai chức năng : một là, diễn tả những ý niệm khái quát, những phát hiện về bản chất và quy luật của văn học ; hai là, phải truyền được tới người đọc tình cảm, cảm xúc trước cái đẹp của nghệ thuật ngôn từ. Phân tích những hình ảnh trong đoạn văn dẫn trên, ta thấy rất rõ văn phê bình của Hoài

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Thanh quả đã thực hiện được đầy đủ cả hai chức năng đó : vừa diễn tả được quy luật vận động của cái tôi thơ mới đi dần đến bế tắc, vừa giúp ta cảm nhận được đặc sắc riêng của thể giới nghệ thuật mỗi nhà thơ.

2b Văn phê bình của Hoài Thanh có sức hấp dẫn còn vì một lí do nữa : sự hấp dẫn của hình tượng tác giả. Ấy một cái tôi mê thơ, say thơ và hiểu thơ hơn cả chính những người làm thơ. Xét ra, ông cũng đích thực là con đẻ của "một thời đại trong thi ca". Thời đại ấy đã sinh ra những Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, v.v. để làm ra thơ mới, đồng thời đẻ ra Hoài Thanh để bình về thơ mới.

Cho nên khi ông phân tích, diễn tả những hồn thơ kia thì cũng là ông phân tích, diễn tả chính lòng mình. Trong lời bạt viết cho cuốn Thi nhân Việt Nam, lấy tên Nhỏ to... Hoài Thanh cũng thú nhận như vậy : "Có một lần viết về lịch sử phong trào Thơ mới, tôi đã định bậm miệng - y như các nhà học giả tập sự. Nhưng chỉ được vài trang, vui buồn lại cứ theo ngòi bút hiện trên trang giấy. Tôi dừng dung sao được ? Tôi đã sống trong lòng thời đại. Kể lịch sử thời đại làm sao có thể không nhớ lại những năm vừa qua trong đời tôi"(1\

Là một thanh niên yêu nước, lại được thức tỉnh về ý thức cá nhân do ảnh hưởng của văn hoá phương Tây hiện đại, Hoài Thanh cũng muốn đóng góp một cái gì cho đất nước, đồng thời khẳng định sự tồn tại có ý nghĩa của mình trên đời. Trong hoàn cảnh mất nước, không có hành động nào có ý nghĩa hơn là đứng lên chống thực dân Pháp, giải phóng dân tộc. Hoài Thanh cũng biết như thế.

Nhưng một lần va đầu vào bộ máy đàn áp của thực dân, ông hoảng sợ và mất hết tin tưởng. Ông đành cùng với các nhà thơ mới làm cách mạng trong thi ca vậy. Thi nhân Việt Nam là một đóng góp có giá trị cho cuộc cách mạng ấy. Mang nỗi tủi hờn của một kẻ bất lực trước thời thế, anh cùng những nhà thơ mới, đành dồn tất cả tình yêu đất nước vào tình yêu tiếng nói và thơ ca dân tộc, mong làm dịu bớt phần nào nỗi sầu vong quốc. Cho nên Hoài Thanh viết về những nhà thơ mới mà cũng là tỏ bày chính nỗi niềm tâm sự của mình : "Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ, là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua. Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tấm hồn bạch chung để gửi nỗi băn khoăn riêng"*.

Viết những dòng này, tôi chắc nhà phê bình vô cùng xúc động. Văn phê bình như thế thì có khác gì thơ trữ tình !

Người ta nói phê bình là người đại diện ý thức của các xu hướng, các trường phái văn học.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Hoài Thanh rất xứng đáng là người đại diện ý thức của phong trào Thơ mới.

Luyện thi AMAX